

Số: /2022/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý Nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 3148/TTr-STP ngày 26 tháng 12 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong quản lý Nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; gồm 03 Chương, 12 Điều.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Tư pháp phối hợp với các Sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày tháng 01 năm 2023 và thay thế Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 21/7/2015; Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- TT. HĐND các huyện, thành phố;
- Trung tâm CNTT và Truyền thông;
- VPUB: LĐ, KTTH, VXNV;
- Lưu: VT. TCDNC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Nam

QUY CHẾ

Phối hợp trong quản lý Nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

(Kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND
ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này xác định nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa Sở Tư pháp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh có chức năng xử lý vi phạm hành chính và UBND các huyện, thành phố trong việc tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý Nhà nước đối với công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện nội dung tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm sự quản lý thống nhất, đồng bộ, hiệu quả, phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan trong việc chủ trì, phối hợp tham mưu UBND tỉnh quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

2. Phát huy tính chủ động, đề cao trách nhiệm của các cơ quan phối hợp trong hoạt động quản lý Nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Việc phối hợp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tuân thủ Quy chế này và các quy định có liên quan.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp trong xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Phối hợp trong phổ biến, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Phối hợp thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính.
5. Phối hợp trong thống kê về xử lý vi phạm hành chính.
6. Phối hợp trong báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
7. Phối hợp tham mưu đối với các vụ việc vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chương II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM

Điều 4. Xây dựng, hoàn thiện pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu phát hiện các quy định về xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn phải kịp thời phản ánh về Bộ, ngành có liên quan hoặc Sở Tư pháp.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu phát hiện các quy định về xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn phải kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp.

3. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận các phản ánh kiến nghị từ các Sở, Ban, ngành, các cơ quan, đơn vị được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, UBND các huyện, thành phố và trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương; trực tiếp làm việc với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kiến nghị Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành có liên quan xử lý theo thẩm quyền.

b) Giúp UBND tỉnh công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Phổ biến, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp chủ trì, tham mưu UBND tỉnh đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đến các cấp, ngành, cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp với các Sở, Ban, ngành biên soạn tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật Xử lý

vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành; trên cơ sở đó, các sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thành phố tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác quản lý, cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác xử lý vi phạm hành chính thuộc cơ quan, đơn vị.

2. Các Sở, Ban, ngành có trách nhiệm hằng năm xây dựng Kế hoạch phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc chuyên ngành quản lý cho cán bộ, công chức, viên chức trong ngành, chú trọng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác xử lý vi phạm hành chính ở cấp huyện và cấp xã.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo Phòng Tư pháp tham mưu các nhiệm vụ phổ biến, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 6. Kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Trên cơ sở theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; kế hoạch trọng tâm, trọng điểm hoặc trường hợp việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý liên ngành đang có nhiều khó khăn, vướng mắc hoặc vụ việc phức tạp; Sở Tư pháp đề xuất, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định, kế hoạch kiểm tra.

a) Quyết định kiểm tra ghi rõ thành phần đoàn kiểm tra; thời gian, nội dung, địa điểm kiểm tra; tên cơ quan, đơn vị được kiểm tra; trách nhiệm của đoàn kiểm tra; kế hoạch kiểm tra nêu mục đích, yêu cầu, thời gian, phương pháp tiến hành và được gửi tới cơ quan, đơn vị được kiểm tra trước 20 ngày để thực hiện. Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra phải có báo cáo kết quả kiểm tra gửi người đã ra quyết định thành lập đoàn kiểm tra; dự thảo kết luận kiểm tra tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị được kiểm tra; tổng hợp, trình người ra quyết định kiểm tra ký ban hành.

Trường hợp người ra quyết định kiểm tra ủy quyền Trưởng đoàn kiểm tra ký kết luận kiểm tra thì không làm báo cáo kết quả kiểm tra. Trưởng đoàn kiểm tra ban hành Kết luận kiểm tra gửi các cơ quan, đơn vị được kiểm tra, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan; đồng thời, báo cáo người ra quyết định kiểm tra; chịu trách nhiệm đối với kết luận kiểm tra do mình ký ban hành.

b) Trường hợp báo cáo kết quả kiểm tra có đề nghị cơ quan được kiểm tra xem xét, xử lý các kiến nghị của đoàn kiểm tra thì chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo, cơ quan được kiểm tra phải xem xét, xử lý các kiến nghị và gửi báo cáo kết quả đến người đã ra quyết định kiểm tra;

c) Báo cáo kết quả kiểm tra có các nội dung sau đây: tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; kết quả đạt được; hạn chế, bất cập; khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và kiến nghị, đề xuất.

d) Kết luận kiểm tra có các nội dung sau: Kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại hạn chế; xác định rõ sai phạm, tính chất, mức độ sai phạm, nguyên nhân, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sai phạm;

kiến nghị xử lý sai phạm và việc xem xét, xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân sai phạm; thông báo kết quả việc thực hiện kết luận kiểm tra.

đ) Các Sở, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố tổ chức kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo ngành, lĩnh vực và địa bàn phụ trách theo các nội dung tại Điều 6 Quy chế này. Phòng Tư pháp cấp huyện tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp huyện về công tác kiểm tra công tác xử lý vi phạm hành chính.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm cử người tham gia đoàn kiểm tra của tỉnh theo đề nghị của Sở Tư pháp và phải chịu trách nhiệm trong việc cử người của mình; thành viên đoàn kiểm tra phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được phân công của Trưởng đoàn và phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện của mình.

Điều 7. Phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thanh tra theo kiến nghị của Sở Tư pháp hoặc khi có phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

2. Thanh tra việc áp dụng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực là trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ giúp UBND tỉnh quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đó.

3. Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện thanh tra khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; khi thực hiện việc thanh tra, phải tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật thanh tra.

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thanh tra theo kiến nghị của Phòng Tư pháp.

Điều 8. Xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Chủ trì, phối hợp các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tham mưu, giúp UBND tỉnh xây dựng quy chế phối hợp, quản lý Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh; bảo đảm kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính do Bộ Tư pháp quản lý và Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ; tích hợp trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.

b) Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ về cơ sở dữ liệu cho cán bộ, công chức thuộc cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan thi hành quyết định xử phạt, cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thi hành

quyết định xử phạt, cơ quan thi hành các quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp cung cấp, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm bố trí kinh phí cho hoạt động, đầu tư cơ sở vật chất cho việc xây dựng, duy trì, quản lý Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh.

Điều 9. Thống kê về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện việc báo cáo, thống kê về xử lý vi phạm hành chính theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp, các Bộ, ngành Trung ương nhằm tạo cơ sở để đánh giá tình hình, dự báo xu hướng vi phạm pháp luật hành chính trong phạm vi địa phương.

2. Đề xuất giải pháp khắc phục, hoàn thiện chính sách, pháp luật, phục vụ công tác báo cáo thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính. Thông tin thống kê về xử lý vi phạm hành chính được thu thập theo quy định pháp luật về thống kê.

Điều 10. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tiến hành định kỳ hàng năm.

Thời điểm lấy số liệu báo cáo từ **ngày 15 tháng 12 năm trước đến hết ngày 14 tháng 12 năm sau.**

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, UBND cấp huyện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình gửi về Sở Tư pháp **trước ngày 20 tháng 12 hàng năm**, để Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Nội dung Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo Điều 35 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

4. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương và gửi Bộ Tư pháp **trước ngày 25 tháng 12 năm hàng năm.**

Điều 11. Phối hợp tham mưu các vụ việc vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trước khi tham mưu, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (hoặc các hình thức xử lý vi phạm hành chính

khác), các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương củng cố đầy đủ hồ sơ, chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh, Sở chuyên ngành và Văn phòng UBND tỉnh để thống nhất tham mưu theo quy định.

2. Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh, Sở chuyên ngành và Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tham mưu, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh xử lý vi phạm hành chính đảm bảo theo quy định và cử đúng thành phần có chuyên môn tham dự cuộc họp.

3. Trên cơ sở các ý kiến tư vấn tại cuộc họp; cơ quan chủ trì có trách nhiệm rà soát, củng cố hồ sơ pháp lý đảm bảo đầy đủ, chặt chẽ, kỹ lưỡng, đảm bảo đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định pháp luật trình Chủ tịch UBND tỉnh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; các cơ quan, đơn vị được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện tốt nội dung Quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phân công nhiệm vụ cơ quan tham mưu thực hiện Quy chế này đảm bảo theo quy định.

3. Quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.
